

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2016

**THÔNG BÁO**  
**Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực**

Thực hiện quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

*Thỏa thuận về kế hoạch hợp tác năm 2016 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, ký tại Viên-chăn ngày 27 tháng 12 năm 2015, sẽ có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 06 năm 2016.*

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Thỏa thuận theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Đối ngoại Quốc hội (để báo cáo);
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Công an;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Thông tin truyền thông;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Ngoại giao: ĐNA;
- Lưu: LPQT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**  
**PHÓ VỤ TRƯỞNG**



★ Nguyễn Văn Ngự

**THỎA THUẬN VỀ KẾ HOẠCH HỢP TÁC**  
**GIỮA**  
**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**VÀ**  
**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**  
**NĂM 2016**

---

Căn cứ vào Hiệp định về hợp tác song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2016-2020, ký ngày 27 tháng 12 năm 2015, tại Thủ đô Viêng Chăn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (sau đây gọi tắt là hai Bên) thỏa thuận những nội dung hợp tác chính năm 2016 như sau:

**ĐIỀU 1**

**Hợp tác về chính trị, ngoại giao**

1. Hai Bên tập trung phối hợp triển khai thực hiện Hiệp định về hợp tác song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2016-2020, ký ngày 27 tháng 12 năm 2015; tạo bước đột phá tích cực trong quan hệ hai nước; phân đầu thực hiện thắng lợi các nội dung cam kết tại Hiệp định này vào năm 2020.
2. Tăng cường các hoạt động giao lưu, hợp tác có hiệu quả giữa các địa phương kết nghĩa, đặc biệt các địa phương giáp biên của hai bên.
3. Hoàn thành việc ký kết và triển khai thực hiện có hiệu quả Bản điều chỉnh Thỏa thuận về Chiến lược hợp tác giữa Việt Nam và Lào tại hai tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng đến năm 2020.
4. Hai Bên tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục cho kiều dân của hai nước theo định nghĩa tại Điều 1 Hiệp định kiều dân giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào ký ngày 03 tháng 4 năm 1993, được nhập quốc tịch hoặc được cấp giấy tờ cư trú tại mỗi nước, phù hợp với quy định pháp luật nước đó.
5. Hai Bên ủng hộ giải quyết vấn đề Biển Đông bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.
6. Hai Bên tăng cường hợp tác trong khuôn khổ Cộng đồng kinh tế ASEAN và các diễn đàn, cơ chế hợp tác đa phương, khu vực và quốc tế; Việt Nam hỗ trợ Lào trong việc đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2016.

**ĐIỀU 2**

**Hợp tác về quốc phòng, an ninh**

1. Hai Bên khẩn trương ký kết và hoàn thành các thủ tục đối nội, đối ngoại để Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới Việt Nam-Lào, Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới Việt Nam-Lào

có hiệu lực, đồng thời triển khai hiệu quả Hiệp định, Nghị định thư và bộ Bản đồ đường biên giới quốc gia đính kèm Nghị định thư khi các văn kiện nêu trên chính thức có hiệu lực.

2. Đẩy nhanh tiến độ 02 dự án hợp tác phát triển trọng điểm (Bản, cụm Bản phát triển) ở khu vực biên giới Lào-Việt Nam đang triển khai.

3. Tăng cường phối hợp tuần tra chung biên giới; ngăn chặn các đường dây đưa người vượt biên trái phép; hợp tác phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

4. Tổng kết đánh giá việc thực hiện “một cửa, một lần dừng” tại cặp cửa khẩu quốc tế Lao Bảo - Đen Xa Văn để nghiên cứu nhân rộng tới các cặp cửa khẩu quốc tế khác theo tinh thần Hiệp định GMS.

### **ĐIỀU 3**

#### **Hợp tác kinh tế**

##### **1. Đầu tư:**

a. Hai Bên tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các nhà đầu tư của Việt Nam đầu tư sang Lào và các nhà đầu tư của Lào đầu tư sang Việt Nam trong quá trình tìm kiếm cơ hội đầu tư và triển khai dự án tại mỗi bên.

b. Phía Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi để phía Lào xây dựng kho ngoại quan và đường ống dẫn dầu từ cảng Hòn La sang Khăm Muộn, Lào, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng và nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ dự án.

c. Tổ chức các cuộc tiếp xúc hàng năm giữa Lãnh đạo Chính phủ Lào và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam để gặp gỡ, đối thoại, giải đáp thắc mắc nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam tại Lào.

d. Hai Bên phối hợp tổ chức một Hội nghị hợp tác đầu tư Việt Nam-Lào vào quý II năm 2016.

e. Hai Bên phối hợp tổ chức kiểm tra, rà soát các dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào để có các giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ và giải quyết các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy cho các hoạt động đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại Lào được thuận lợi và hiệu quả; phối hợp tuyên truyền rộng rãi những quy định, quy chế, luật pháp liên quan đến đầu tư của Việt Nam và Lào.

f. Hai Bộ Kế hoạch và Đầu tư hai nước tiến hành rà soát, đối chiếu, thống nhất số liệu đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại Lào; trao đổi về hài hòa hóa thủ tục cấp phép đầu tư hai nước theo hướng thuận lợi và rút ngắn thời gian hơn cho doanh nghiệp;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Xử lý các vấn đề liên quan đến triển khai, hoạt động của các nhà đầu tư, doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch và ổn định hệ thống pháp luật, chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Nhà đầu tư, doanh nghiệp; đảm bảo môi trường đầu tư.

- Đề xuất các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Lào và doanh nghiệp của Lào đầu tư tại Việt Nam.

##### **2. Thương mại:**

a. Phần đầu đưa kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước năm 2016 tăng 20% so với năm 2015.

b. Hai Bộ Công Thương hai nước:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện; phối hợp tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và triển khai có hiệu quả nội dung Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào ký ngày 03 tháng 3 năm 2015 và Hiệp định thương mại biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào ký ngày 27 tháng 6 năm 2015.

- Tiến hành rà soát, bổ sung số liệu thống kê về kim ngạch thương mại, đặc biệt chú ý số liệu thương mại biên giới, xuất khẩu điện năng và dịch vụ ...; đề xuất các biện pháp đẩy mạnh hợp tác thương mại, đặc biệt là cơ chế đặc thù giữa hai nước khi Việt Nam và Lào gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN.

c. Phía Việt Nam bố trí nguồn vốn (ngoài viện trợ Việt Nam dành cho Lào) để nghiên cứu lập “Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam-Lào đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035” và triển khai “Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam-Lào đến năm 2020”.

3. Hợp tác giao thông vận tải:

a. Phối hợp triển khai Bản ghi nhớ giữa hai Chính phủ về Chiến lược hợp tác trong lĩnh vực giao thông vận tải giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030; tiếp tục phối hợp tìm kiếm nguồn vốn triển khai các dự án giao thông quan trọng, mang tính chiến lược cho sự phát triển của hai nước; đặc biệt là tuyến cao tốc Hà Nội-Viêng Chăn.

b. Hai Bên thống nhất sử dụng vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào để thực hiện Dự án Cầu Xả-ợt II (cả phần lãnh thổ Việt Nam và phần lãnh thổ Lào). Chính phủ Lào ủy quyền cho Chính phủ Việt Nam phê duyệt dự án và hai bên phối hợp chặt chẽ để triển khai thực hiện dự án.

4. Trong lĩnh vực công nghiệp:

a. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan giải quyết khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy tiến độ các dự án thủy điện.

b. Hai bên tiếp tục quan tâm việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, cơ sở pháp lý và cơ sở dữ liệu để hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác đầu tư vào lĩnh vực khai thác khoáng sản, đặc biệt trong giai đoạn điều tra, khảo sát cơ bản.

c. Chính phủ Lào xem xét đưa các dự án đầu tư khoáng sản vào diện được khuyến khích đầu tư theo quy định của Lào.

5. Hợp tác nông, lâm nghiệp:

a. Ưu tiên triển khai các dự án hợp tác về phân vùng nông nghiệp, phát triển nông thôn mới, thủy lợi tại hai tỉnh Hòa Phăn và Xiêng Khoảng.

b. Xây dựng, triển khai các kế hoạch hợp tác và trao đổi kinh nghiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng, ngăn chặn việc chặt phá rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, kiểm dịch động thực vật, thủy sản, thủy lợi và dịch vụ thủy nông.

c. Hai Bên tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

6. Hợp tác về tài nguyên và môi trường:

a. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với nhau và cùng phối hợp với các nước trong Tiểu vùng sông Mê Công trong việc quản lý và sử dụng có hiệu quả, bền vững nguồn nước sông Mê Công.

b. Xây dựng, triển khai các kế hoạch hợp tác trong các lĩnh vực đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, quản lý tài nguyên nước, môi trường ...; nghiên cứu triển khai việc điều tra khoáng sản và lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1/200.000 vùng Lóng-chặng, tỉnh Xay-xôm-bun.

## **ĐIỀU 4**

### **Hợp tác giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

1. Phối hợp xây dựng kế hoạch cụ thể để đẩy mạnh việc đưa nội dung các sản phẩm của công trình lịch sử quan hệ đặc biệt Việt-Lào vào giảng dạy tại các trường học của hai nước.

2. Chính phủ Việt Nam dành 1000 suất học bổng cho cán bộ, học sinh Lào sang học tập tại Việt Nam theo chương trình đại học, sau đại học và bồi dưỡng ngắn hạn (bao gồm cả số chỉ tiêu dành cho quốc phòng, an ninh; 35 con em Việt kiều ở Lào và 10 suất do Đại sứ quán Việt Nam tại Lào chủ trì phối hợp với Bộ Giáo dục và Thể thao Lào tuyển chọn).

Năm 2016, hai Bên thống nhất bổ sung 205 chỉ tiêu bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ, công chức của Lào.

Phân bổ kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, học sinh Lào tại các cơ sở đào tạo Việt Nam năm 2016 được ghi tại Phụ lục số 1 kèm theo Hiệp định này.

3. Chính phủ Lào dành 60 suất học bổng cho cán bộ, học sinh Việt Nam sang học tập tại Lào theo các chương trình đại học, cao học và bồi dưỡng ngắn hạn.

4. Thúc đẩy việc giảng dạy tiếng Việt tại Lào; khuyến khích cán bộ Lào học tiếng Việt và cán bộ Việt Nam học tiếng Lào; hoàn thành thí điểm và triển khai giảng dạy song ngữ Việt-Lào tại Trường Song ngữ Nguyễn Du, thủ đô Viêng Chăn.

## **ĐIỀU 5**

### **Hợp tác trong các lĩnh vực khác**

1. Văn hóa, thể thao, du lịch:

a. Phối hợp tổ chức tốt "Tuần văn hóa Lào tại Việt Nam"; khuyến khích các hoạt động hợp tác, giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao và du lịch ở tất cả các cấp, đặc biệt là nhân dân vùng biên giới hai nước.

b. Đẩy mạnh hợp tác du lịch trên cơ sở thế mạnh của hai nước, đóng góp cho hợp tác du lịch trong khu vực và Tiểu vùng Mê Công.

c. Thúc đẩy triển khai Dự án Trung tâm văn hóa Việt Nam tại Lào; khẩn trương triển khai công trình Công viên Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thủ đô Viêng Chăn.

2. Thông tin truyền thông:

a. Xây dựng và triển khai Đề án Tăng cường công tác thông tin đối ngoại với Lào trong tình hình mới và xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ phát thanh truyền hình tại Lào.

b. Nghiên cứu triển khai đài phát hình tại tỉnh Bò-keo.

c. Tăng cường trao đổi thông tin và nâng cao trình độ kỹ thuật chuyên môn cho cán bộ bưu chính viễn thông của Lào, đặc biệt là về quản lý Internet.

bao gồm tên miền “.LA” và an toàn thông tin, quản lý tần số vô tuyến điện, thông tin vệ tinh.

**3. Khoa học và công nghệ:**

a. Hai Bên tăng cường hợp tác theo hướng gắn khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất, chú trọng về công nghệ cao; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý khoa học công nghệ của mỗi nước.

b. Thúc đẩy tiến độ Dự án Xây dựng Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý khoa học và công nghệ của Lào và Dự án Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ cho Viện Khoa học quốc gia Lào giai đoạn 2014-2016.

**4. Thanh tra, kiểm toán:**

Hai Bên tiếp tục nâng cao hiệu quả về công tác thanh tra, kiểm toán thông qua việc cử chuyên gia Việt Nam sang giúp Lào, đào tạo nâng cao năng lực, kiểm toán chung ...

**5. Lao động và phúc lợi xã hội:**

a. Triển khai thực hiện hiệu quả Hiệp định Lao động năm 2013. Thúc đẩy triển khai các chương trình hợp tác về Bảo hiểm xã hội.

b. Thường xuyên trao đổi thông tin liên quan đến tình hình đưa người lao động Việt Nam và Lào sang làm việc tại nước Bạn để phối hợp xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh và có cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp.

**6. Pháp luật và tư pháp:**

a. Thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, đặc biệt là hợp tác giữa các tỉnh, thành phố Việt Nam và Lào, trong đó có các tỉnh có chung đường biên giới; nâng cao hiệu quả thực hiện Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào ký ngày 06 tháng 7 năm 1998.

b. Nghiên cứu xây dựng và triển khai Dự án hỗ trợ Học viện Tư pháp Lào.

7. Khuyến khích các Bộ, ngành, tổ chức, địa phương và các doanh nghiệp hai Bên giúp đỡ lẫn nhau trên các lĩnh vực mà hai Bên có thế mạnh; phía Việt Nam sẽ dành sự hỗ trợ tối đa trong khả năng của mình cho các Bộ, ngành, tổ chức, địa phương của Lào.

## **ĐIỀU 6**

### **Vốn viện trợ không hoàn lại**

1. Hai Bên thống nhất số kinh phí viện trợ không hoàn lại của Việt Nam dành cho Lào năm 2016 là 720 tỷ đồng, được phân bổ tại Phụ lục số 2 kèm theo Thỏa thuận này, trong đó:

a. Kinh phí năm 2016 là 458 tỷ đồng.

b. Kinh phí năm 2015 chuyển sang thực hiện trong năm 2016 là 262 tỷ đồng.

2. Tiếp tục phối hợp kiểm tra, đánh giá hiện trạng các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, xác định các công trình cấp thiết phải khắc phục, sửa chữa. Giao hai Phó Chủ tịch Ủy ban hai nước đề xuất phương án duy tu bảo dưỡng các dự án đã đưa vào sử dụng nhưng hiện xuống cấp, trình hai Chủ tịch hai Ủy ban hai nước.

## ĐIỀU 7

### Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung

1. Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng của hai Bên về việc đã hoàn thành thủ tục pháp lý nội bộ để Thỏa thuận có hiệu lực theo quy định pháp luật của mỗi nước và có giá trị đến ngày Thỏa thuận về Kế hoạch hợp tác song phương giữa hai Chính phủ hai nước năm tiếp theo có hiệu lực.

2. Trong thời gian thực hiện, Thỏa thuận này có thể được bổ sung, sửa đổi theo sự thỏa thuận bằng văn bản của hai Bên. Những sửa đổi bổ sung là bộ phận không tách rời của Thỏa thuận và có hiệu lực theo thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này.

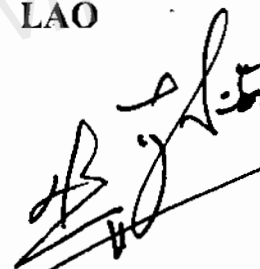
Làm tại Thủ đô Viêng Chăn ngày 27 tháng 12 năm 2015 thành hai (02) bản bằng tiếng Việt và tiếng Lào, các văn bản đều có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản./.

TM. CHÍNH PHỦ NƯỚC  
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM

TM. CHÍNH PHỦ NƯỚC  
CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN  
LÀO



NGUYỄN XUÂN PHÚC  
Phó Thủ tướng



XÓM-XA-VÁT LÀNH-XA-VÁT  
Phó Thủ tướng

**Phụ lục số 1**

**Kế hoạch Đào tạo và Bồi dưỡng Cán bộ, Học sinh, Sinh viên Lào tại Việt Nam năm 2016**

T/T	Lĩnh vực	Số lượng	Dài hạn			Ngắn hạn		Ghi chú
			ĐH	Cao học	Tiến sĩ	Số lượng	Thời gian	
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực Chính trị-hành chính</b>							
<b>1.1</b>	<b>Tổ chức TW</b>	<b>311</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>211</b>		
	Công tác Chính trị		20	20	8	20	5 tháng	Cán bộ
	Công tác Hành chính (cán bộ địa phương)		20	10	2	20	2 tháng	Cán bộ
	Công tác Tổ chức		20			15	3 tháng	Cán bộ
	Công tác tuyên huấn					15	3 tháng	Cán bộ
	Giảng viên chính trị					15	3 tháng	Cán bộ
	Công tác đoàn thanh niên					15	2 tháng	Cán bộ
	Công tác phụ nữ					20	2 tháng	Cán bộ
	Kiểm tra Đảng					15	3 tháng	Cán bộ
	Công tác Ban đối ngoại					20	3 tháng	Cán bộ
	Công tác mật trận Tổ Quốc Lào					20	2 tháng	Cán bộ
	Công tác công đoàn					15	2 tháng	Cán bộ
	Bồi dưỡng công tác dân tộc					20	3 tháng	Cán bộ
	Thực tập tiếng Việt tại Đài tiếng nói Việt Nam					01	9 tháng	Cán bộ
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực An ninh -Quốc phòng</b>	<b>194</b>	<b>167</b>	<b>19</b>	<b>8</b>	<b>0</b>		
	An ninh		83	9	4			
	Quốc phòng		84	10	4			
<b>3</b>	<b>Giáo dục và thể thao</b>	<b>131</b>	<b>12</b>	<b>66</b>	<b>13</b>	<b>40</b>		
<b>3.1</b>	<b>Giáo dục</b>	<b>120</b>	<b>8</b>	<b>60</b>	<b>12</b>	<b>40</b>		
	Toán học ( GV)			4	2			
	Vật lý ( GV )			4	2			
	Hóa học ( GV)			2	1			
	Sinh học ( GV)			3				
	Tin học ( GV)			3				
	Quản lý Giáo dục ( GV)		2	2	2			
	Giáo dục Thể chất (GV)		2	2				
	Địa lý ( GV)			1				
	Lịch sử học ( GV)			1	1			
	Luật ( GV)			3				



	Lâm nghiệp ( GV )			2				
	Nông nghiệp ( GV )			3				
	Thú y ( GV )			3				
	Xây dựng ( GV )			2				
	Kiến trúc ( GV )			2				
	Môi trường ( GV )			2	1			
	Thủy lợi ( GV )			2	2			
	Giao thông - vận tải ( GV )			2	1			
	Điện ( GV )			2				
	Cơ khí ( GV )			2				
	Điện tử ( GV )			2				
	Ngôn ngữ - Văn hóa ( GV )			2				
	Sư phạm âm nhạc		1	2				
	Sư phạm mỹ thuật		1	2				
	Thử nghiệm chất - Quốc phòng		1	2				
	Quản lý nguồn nhân lực		1	3				
	Tập huấn giáo viên khoa học tự nhiên					40	3 tháng	Cán bộ
<b>3.2</b>	<b>Thể thao</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>1</b>			
	Quản lý thể dục thể thao			1	1			
	Khoa học thể dục thể thao			2				
	Giáo dục thể chất		1	1				
	Huấn luyện thể thao		1	1				
	Y học thể dục thể thao		1	1				
<b>4</b>	<b>Mỹ thuật và nhân văn</b>	<b>15</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>4.1</b>	<b>Mỹ thuật</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Điêu khắc		1	1				
	Hội họa			1				
	Gốm			1				
	Thiết kế công nghiệp			1				
	Thiết kế nội thất			1				
	Văn hóa và du lịch			1				
	Sư phạm mỹ thuật			1				
<b>4.2</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Tôn giáo học		2					
	Dân tộc học		2	1				

	Quản lý văn hóa			2				
<b>5</b>	<b>Khoa học xã hội, thông tin, báo chí</b>	<b>93</b>	<b>9</b>	<b>22</b>	<b>2</b>	<b>60</b>		
<b>5.1</b>	<b>Khoa học xã hội</b>	<b>56</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>40</b>		
	Văn hoá dân tộc		2	2				
	Báo chí học			1				
	Quản lý các tổ chức			1				
	Xã hội học			1	1			
	Kế hoạch phát triển			2	1			
	Kinh tế			1				
	Kế hoạch			2				
	Kinh tế đầu tư			2				
	Phân tích và dự báo lập kế hoạch					20	2 tháng	Cán bộ
	Công tác Quản lý dự án đầu tư					20	2 tháng	Cán bộ
<b>5.2</b>	<b>Báo chí</b>	<b>37</b>	<b>7</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>20</b>		
	Xuất bản		2	4				
	Công nghệ thông tin			1				
	Kỹ thuật truyền thông			1				
	Báo chí học			2				
	Lưu trữ		3	1				
	Thư viện		2	1				
	Công tác Đài phát thanh					20	2 tháng	Cán bộ
<b>6</b>	<b>Quản trị kinh doanh và Luật</b>	<b>40</b>	<b>3</b>	<b>15</b>	<b>2</b>	<b>20</b>		
<b>6.1</b>	<b>Quản trị kinh doanh</b>	<b>33</b>	<b>3</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>20</b>		
	Quản trị kinh doanh và kinh tế phân tích			2	1			
	Ngân hàng			1				
	Quản trị kinh doanh quốc tế			1				
	Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản		1					
	Kinh doanh chứng khoán			1				
	Thanh tra Nhà nước		1	1	1			
	Bồi dưỡng công việc kiểm sát					20	3 tháng	Cán bộ
<b>6.2</b>	<b>Luật</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Luật quốc tế			1				
	Tội phạm học và điều tra tội phạm			1				
	Luật hành chính			1				
	Luật thương mại			1				

	Luật kinh tế			1				
	Quan hệ quốc tế			2				
<b>7</b>	<b>Công nghệ thông tin và truyền thông</b>	<b>28</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>15</b>		
	Khoa học máy tính		<b>1</b>	3				
	Kỹ thuật viễn thông		<b>2</b>	2				
	IT		<b>2</b>	2	1			
	Quản lý khoa học & Công nghệ					<b>15</b>	3 tháng	Cán bộ
<b>8</b>	<b>Kỹ thuật sản xuất và công thương</b>	<b>47</b>	<b>9</b>	<b>37</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		
<b>8.1</b>	<b>Công nghệ và công thương</b>	<b>31</b>	<b>5</b>	<b>25</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		
	Thương mại quốc tế			1				
	Thương mại			1				
	Kinh tế công nghiệp			1				
	Quản trị kinh doanh quốc tế			2				
	Kỹ thuật điện			2				
	Xây dựng			2				
	Xây dựng công trình thủy lợi			1				
	Quản lý & Phát triển nguồn nước			2				
	Tuyển khoáng		<b>1</b>	2				
	Quản lý mỏ			2	1			
	Quản lý năng lượng			2				
	Quản lý kinh tế mỏ		<b>1</b>	1				
	Khai thác mỏ		<b>1</b>	2				
	Xây dựng công trình ngầm và mỏ		<b>1</b>	2				
	Địa chất		<b>1</b>	2				
<b>8.2</b>	<b>Thực phẩm &amp; Chế biến</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Công nghệ thực phẩm		<b>1</b>	3				
	Thực phẩm- Môi trường		<b>1</b>	3				
<b>8.3</b>	<b>Kiến trúc và xây dựng</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Kiến trúc công trình			2				
	Quản lý Xây dựng		<b>1</b>	2				
	Kiến trúc		<b>1</b>	2				
<b>9</b>	<b>Nông lâm, ngư nghiệp và thú y</b>	<b>22</b>	<b>3</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>9.1</b>	<b>Nông nghiệp</b>	<b>14</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Kinh tế nông nghiệp			2				
	Quản lý đất đai			2				

	Trồng trọt			3				
	Chăn nuôi		1	2				
	Bảo vệ truyền nhiệm thú y		1	3				
<b>9.2</b>	<b>Lâm nghiệp</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	1	0	0		
	Quản lý tài nguyên rừng			1				
<b>9.3</b>	<b>Ngư nghiệp</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	2	0	0		
	Ngư nghiệp		1	2				
<b>9.4</b>	<b>Thú y</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	4	0	0		
	Thú y			4				
<b>10</b>	<b>Y tế và Phúc lợi xã hội</b>	<b>43</b>	<b>9</b>	17	2	15		
<b>10.1</b>	<b>Y tế</b>	<b>20</b>	<b>8</b>	15	2	0		
	Răng hàm mắt		4	2				
	Y tế công cộng			3	1			
	Y học cổ truyền			2				
	Giải phẫu người			1	1			
	Y đa khoa		4	2				
<b>10.2</b>	<b>Phúc lợi xã hội</b>	<b>23</b>	<b>1</b>	7	0	15		
	Công tác xã hội		1	4				
	Bảo hộ lao động			3				
	Bồi dưỡng giáo viên dạy nghề					15	3 tháng	Cán bộ
<b>11</b>	<b>Dịch vụ và Vận tải</b>	<b>70</b>	<b>11</b>	19	0	40		
<b>11.1</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>32</b>	<b>4</b>	8	0	20		
	Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn		1	2				
	Du lịch học		1	3				
	Kinh tế du lịch		1	2				
	Bảo tàng học		1	1				
	Công tác chữ thập đỏ					20	2 tháng	Cán bộ
<b>11.2</b>	<b>Giao thông vận tải</b>	<b>39</b>	<b>8</b>	11		20		
	Khai thác vận tải			1				
	Khai thác bảo trì đầu máy xe lửa		1	2				
	Tổ chức quản lý vận tải		1	2				
	Vận tải đường sắt		2					
	Xây dựng đường sắt		1	3				
	Đường sắt đô thị		2	2				
	Cầu đường sắt		1	1				
	Công tác kiểm tra công trình giao thông					20	2 tháng	Cán bộ

12	Con em việt kiều tại Lào	35	30	5				
13	Dự án 100	110	110					
14	LHS học giỏi( tại Việt Nam )	12		12				
15	Sinh viên năm cuối (Khoa tiếng việt ĐHQG Lào)	17				17	4 tháng	Sinh viên
16	Sinh viên năm thứ 3 (Khoa tiếng việt ĐHQG Lào)	18				18	1 Năm học	Sinh viên
17	Bồi dưỡng nâng cao tiếng Việt và kỹ năng phiên dịch Lào-Việt	20				20	3 tháng	Cán bộ
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>1206</b>	<b>433</b>	<b>278</b>	<b>39</b>	<b>456</b>		

I. Lĩnh vực Hành chính : 1.012 người

- Ngắn hạn : 456 người

- Dài hạn 556 người, trong đó Đại học : 266 người, Thạc sĩ : 259 người, Tiến sỹ : 31 người

II. Lĩnh vực An ninh và Quốc phòng :

- Dài hạn 194 người , trong đó Đại học : 167 người , Thạc sĩ : 19 người, Tiến sỹ : 8 người

www.LuatVietnam.vn

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN  
SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM  
DÀNH CHO CHÍNH PHỦ LÀO NĂM 2016**

Đơn vị tính: triệu VNĐ

Số TT	Chương trình, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức viện trợ	Kinh phí
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>720.000</b>
<b>A</b>	<b>Đào tạo:</b>	<b>2016</b>		<b>240.000</b>
I	Đào tạo cán bộ, học sinh Lào tại Việt Nam (bao gồm quốc phòng, an ninh, dài hạn, ngắn hạn).			238.200
II	Hỗ trợ Hội nghị toàn quốc lưu học sinh Lào học tập tại Việt Nam.			300
III	Hỗ trợ bổ túc tiếng Việt tại Lào cho các sinh viên Lào được tuyển chọn sang Việt Nam học tập.			1.500
<b>B</b>	<b>Các chương trình, dự án:</b>			<b>480.000</b>
I	Các dự án quyết toán và hoàn thành.			55.870
1	Làng hữu nghị thanh niên biên giới Việt - Lào.	2013-2015	75.264	10.105
2	Dự án xây dựng trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp - tỉnh Xiêng Khoảng.	2014-2015	35.163	4.963
3	Dự án Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Đắc-tà-óc tỉnh Sê Kông (Lào).	2014-2015	49.649	14.449
4	Dự án Trang thiết bị nội thất Nhà giảng đường chính Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào.	2015-2016	6.653	6.653
5	Điều tra khoáng sản và lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1/200.000 vùng Bắc Viêng Chăn-Nam Luôngphabang.	2013-2017	69.900	19.700
II	Các dự án chuyển tiếp.			317.130
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền thông tin địa hình cơ bản phục vụ quy hoạch phát triển KH-XH và giám sát tài nguyên môi trường CHDCND Lào.	2013-2017	174.000	40.000
2	Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý khoa học và công nghệ của Lào.	2014-2017	89.887	20.000
3	Trường Trung học phổ thông hữu nghị A-nu-vông tại tỉnh Xay-sôm-bun.	2015-		40.000
4	Dự án xây dựng trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp - tỉnh Hủa Phăn.	2015-2017		15.000

Số TT	Chương trình, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức viện trợ	Kinh phí
5	Đài Phát thanh, phát hình tại tỉnh Sa-văn-nà-khệt.	2014-2016		50.000
6	Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ cho Viện Khoa học quốc gia Lào giai đoạn 2014-2016.	2015-2017		30.000
7	Bệnh viện Hữu nghị tỉnh Xiêng Khoảng	2015-		40.000
8	Bệnh viện Hữu nghị tỉnh Hủa Phăn.	2015-		40.000
9	Dự án xây dựng hệ thống thủy lợi huyện Nông Bốc - tỉnh Khăm Muộn (bao gồm đoạn kè bờ sông Mê Công).	2015-		20.000
10	Cải tạo sửa chữa KTX Lưu học sinh nước ngoài tại ĐHQG Lào.	2015-		5.000
11	Trường Trung học phổ thông Hữu nghị Việt Nam- Lào tại tỉnh Xa-văn-nà-khệt	2016-		1.000
12	Cầu Xà ọt cửa khẩu Lao bảo - Đen-xa-văn	2016-		5.130
13	Biên dịch "Hồ Chí Minh toàn tập" từ tiếng Việt sang tiếng Lào.	2015-		1.000
14	Đài phát thanh truyền hình tỉnh Xay-sôm-bun (*)	2015-		10.000
15	Dự án xây dựng hệ thống thủy lợi Nam Hang - huyện Hiêm (Viêng-thoong) - tỉnh Hủa Phăn(*)	2014-		
<b>III</b>	<b>Các dự án mới.</b>			<b>6.500</b>
1	Trường Trung học phổ thông tại thị xã huyện Bun-nư-tinh Phong-xa-lỳ.	2016-		500
2	Nâng cấp và sửa chữa công trình thủy lợi Nậm Long - huyện Xốp Bấu - tỉnh Hủa Phăn (**).	2016-		500
3	Đài Phát thanh, phát hình tại tỉnh Bò-keo.	2016-		500
4	Trường Dạy nghề tỉnh Bò-keo giai đoạn 2.	2016-		500
5	Trường PTTH Hữu nghị Lào-Việt Nam giai đoạn 2.	2016-		500
6	Quy hoạch thủy lợi tại hai tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng	2016-		500
7	Khoa tiếng Việt tại Đại học Su-pha-nu-vông và Đại học Chăm-pa-sắc.	2016-		500
8	Phân vùng sản xuất nông nghiệp tại Hủa Phăn, Xiêng Khoảng.	2016-		500
9	Xây dựng Học viện Tài chính Đông-khăm-xạng giai đoạn 3.	2016-		500
10	Dự án hỗ trợ Học viện Tư pháp Lào.	2016-		500

Số TT	Chương trình, dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức viện trợ	Kinh phí
11	Dự án nghiên cứu tiền khả thi tuyến cao tốc Hà Nội-Viêng Chăn.	2016-		500
12	Sửa chữa 02 trạm bơm công trình thủy lợi Đông-phu-xi và Tha-pha-nọng-phông.	2016		500
13	Xây dựng Trụ sở Ủy ban hợp tác Lào-Việt Nam (công trình hữu nghị)	2016		500
<b>IV</b>	<b>Kinh phí chưa phân bổ (***)</b>	<b>2016-</b>		<b>100.500</b>

**Ghi chú:**

(\*) Chi xem xét phân bổ khi dự án được phê duyệt.

(\*\*) Chi tiến hành chuẩn bị dự án mới khi đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao dự án cũ.

(\*\*\*) Khoản kinh phí này phía Lào ủy quyền cho phía Việt Nam tiến hành phân bổ cho các dự án và thông báo cho phía Lào (bao gồm hỗ trợ các dự án xây dựng trường học theo đề xuất của hai tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng và 01 trường Việt kiều).



## ຂໍ້ຕົກລົງ ວ່າດ້ວຍແຜນການຮ່ວມມື

ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ  
ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນ ລາວ ປີ 2016

ອີງຕາມສັນຍາ ວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືທະວີພາຄີ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ  
ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ໄລຍະ  
2016-2020 ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນ ຄັ້ງວັນທີ 27 ທັນວາ ປີ 2015 ທີ່ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ, ສາທາລະນະລັດ  
ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ;

ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ  
ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ (ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນຫຍໍ້ວ່າ ສອງຝ່າຍ) ໄດ້ຕົກລົງບັນດາເນື້ອໃນ  
ການຮ່ວມມື ປະຈຳປີ 2016 ດັ່ງລຸ່ມນີ້:

### ມາດຕາ 1

#### ການຮ່ວມມືດ້ານການເມືອງ, ການຕ່າງປະເທດ

1. ສອງຝ່າຍ ສຸມໃສ່ປະສານສົມທົບກັນຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍສັນຍາວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືທະວີພາຄີ  
ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ສສ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ສປປ ລາວ ໄລຍະ ປີ 2016-2020 ທີ່ໄດ້  
ເຊັນກັນຄັ້ງວັນທີ 27 ທັນວາ 2015; ສ້າງບາດກ້າວບຸກທະລຸຢ່າງຕັ້ງໜ້າໃຫ້ແກ່ການພົວພັນ ລະຫວ່າງ  
ສອງປະເທດ; ສຸ່ຊົນປະຕິບັດບັນດາເນື້ອໃນທີ່ໄດ້ຕົກລົງກັນ ໃນສັນຍາສະບັບນີ້ ໃຫ້ປະສົບຜົນສໍາເລັດຢ່າງ  
ມີໄຊ ໃນປີ 2020.

2. ເພີ່ມທະວີການເຄື່ອນໄຫວພົບປະແລກປ່ຽນ, ການຮ່ວມມືຢ່າງມີປະສິດທິຜົນ ລະຫວ່າງ ບັນດາ  
ທ້ອງຖິ່ນແຮກສ່ຽວ ໂດຍສະເພາະ ແມ່ນບັນດາທ້ອງຖິ່ນທີ່ມີຊາຍແດນຕິດຈອດກັນ.

3. ສໍາເລັດການລົງນາມ ແລະ ຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍຢ່າງມີປະສິດທິຜົນ ກ່ຽວກັບ ການປັບປຸງ ດັດແກ້  
ຂໍ້ຕົກລົງ ວ່າດ້ວຍຍຸດທະສາດການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງ ລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ ຢູ່ສອງ ແຂວງ ຫົວພັນ  
ແລະ ຊຽງຂວາງ ຮອດປີ 2020.

4. ສອງຝ່າຍ ສ້າງເງື່ອນໄຂສະດວກໃນການປະກອບເອກະສານ ໃຫ້ແກ່ປະຊາຊົນ ທີ່ເປັນຊາວຕ່າງ  
ດ້າວ ຂອງສອງປະເທດ ຕາມຄໍານິຍາມ ທີ່ໄດ້ລະບຸໄວ້ໃນມາດຕາ 1 ຂອງສັນຍາ ວ່າດ້ວຍ ຊາວຕ່າງດ້າວ  
ລະຫວ່າງ ສປປ ລາວ ແລະ ສສ ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນໃນວັນທີ 03 ເມສາ 1993 ໃນການຕັດ  
ສັນຊາດ ຫຼື ໄດ້ຮັບອະນຸຍາດພັກເຊົາ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບຂໍ້ກຳນົດກົດຫມາຍ ຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

5. ສອງຝ່າຍ ສະໜັບສະໜູນການແກ້ໄຂບັນຫາທະເລຈີນໃຕ້ ໂດຍສັນຕິວິທີບົນພື້ນຖານກົດໝາຍສາກົນ.

6. ສອງຝ່າຍ ເພີ່ມທະວີຂອບການຮ່ວມມືປະຊາຄົມເສດຖະກິດອາຊຽນ ແລະ ບັນດາເວທີພົບປະ, ກົນໄກການຮ່ວມມືຫຼາຍຝ່າຍ, ພາກພື້ນ ແລະ ສາກົນ; ຫວຽດນາມ ຊ່ວຍສະໜັບສະໜູນລາວ ໃນການເປັນປະທານ ອາຊຽນ ໃຫ້ມີຜົນສໍາເລັດ ໃນປີ 2016.

## ມາດຕາ 2

### ການຮ່ວມມືດ້ານການປ້ອງກັນຊາດ-ປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ

1. ສອງຝ່າຍ ຮີບຮ້ອນລົງນາມ ແລະ ປັບປຸງບັນດາລະບຽບການພາຍໃນ ແລະ ຕ່າງປະເທດ ໃຫ້ສໍາເລັດ ເພື່ອເຮັດໃຫ້ສັນຍາ ວ່າດ້ວຍລະບຽບການຄຸ້ມຄອງຊາຍແດນ ແລະ ດ່ານຊາຍແດນ ລາວ - ຫວຽດນາມ, ອະນຸສັນຍາ ກ່ຽວກັບເສັ້ນຊາຍແດນ ແລະ ຫລັກຫມາຍຊາຍແດນປະເທດ ລາວ-ຫວຽດນາມ ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້; ພ້ອມກັນນັ້ນ ກໍຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສັນຍາ, ອະນຸສັນຍາ ແລະ ແຜນທີ່ເສັ້ນຊາຍແດນແຫ່ງຊາດທີ່ຕິດແນບອະນຸສັນຍາດັ່ງກ່າວ ຢ່າງມີປະສິດທິຜົນ ພາຍຫຼັງທີ່ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ຢ່າງເປັນທາງການ.

2. ຊຸກຍູ້ຄວາມຄືບໜ້າໂດຍໄວ ແກ່ສອງໂຄງການຮ່ວມພັດທະນາເຂດຈຸດສຸມ (ບ້ານ, ກຸ່ມບ້ານພັດທະນາ) ຢູ່ເຂດຊາຍແດນ ລາວ-ຫວຽດນາມ ທີ່ພວມຜັນຂະຫຍາຍ.

3. ເພີ່ມທະວີການປະສານສົມທົບກັນລາດຕາເວນຊາຍແດນຮ່ວມກັນ, ສະກັດກັ້ນບັນດາເສັ້ນທາງລັກລອບເອົາຄົນເຂົ້າເມືອງຜິດກົດໝາຍ; ຮ່ວມມືດ້ານການກໍ່ອາດສະຍາກໍາຂ້າມຊາດ.

4. ສະຫຼຸບຕີລາຄາການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ ຮູບການກວດກາ “ປ້ອງດຽວ, ຈຸດດຽວ” ຢູ່ຄູ່ດ່ານ ຊາຍແດນສາກົນແດນສະຫວັນ - ລາວບາວ ເພື່ອສຶກສາເປີດກວ້າງ ຢູ່ບັນດາຄູ່ດ່ານຊາຍແດນສາກົນອື່ນ ຕາມຈິດໃຈສັນຍາ GMS.

## ມາດຕາ 3

### ການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ

#### 1. ດ້ານການລົງທຶນ:

ກ. ສອງຝ່າຍ ສ້າງເງື່ອນໄຂສະດວກກວ່າເກົ່າ ໃຫ້ນັກລົງທຶນຂອງຫວຽດນາມ ທີ່ມາລົງທຶນ ຢູ່ລາວ ແລະ ນັກລົງທຶນລາວ ທີ່ໄປລົງທຶນຢູ່ຫວຽດນາມ ໃນການຊອກຫາໂອກາດລົງທຶນ ແລະ ຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍໂຄງການ ຢູ່ແຕ່ລະຝ່າຍ.

ຂ. ຝ່າຍຫວຽດນາມ ສ້າງເງື່ອນໄຂສະດວກ ໃຫ້ຝ່າຍລາວ ເພື່ອສ້າງສາງພັກນໍ້າມັນ ແລະ ທໍ່ສົ່ງນໍ້າມັນ ຈາກທ່າເຮືອຮອນລາ (Hon La) ມາຫາ ແຂວງຄຳມ່ວນ, ລາວ ໂດຍສະເພາະ ແມ່ນການບຸກເບີກ, ປັບພື້ນທີ່ ແລະ ນໍາເຂົ້າວັດສະດຸ, ອຸປະກອນເຄື່ອງຈັກມາຮັບໃຊ້ໂຄງການດັ່ງກ່າວ.

ຄ. ຈັດກອງປະຊຸມພົບປະ ປະຈຳປີ ລະຫວ່າງ ການນຳລັດຖະບານລາວ ກັບສະມາຄົມ ວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ເພື່ອພົບປະ, ປຶກສາຫາລື, ຕອບຂໍ້ຂ້ອງໃຈ ແນໃສ່ແກ້ໄຂຄວາມຍຸ້ງຍາກ, ຂໍ້ຄົງຄ້າງໃນການລົງທຶນ, ດຳເນີນທຸລະກິດຂອງວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ຢູ່ລາວ ຢ່າງທັນການ.

ງ. ສອງຝ່າຍ ສົມທົບກັນຈັດກອງປະຊຸມສົ່ງເສີມການຮ່ວມມືລົງທຶນ ລາວ-ຫວຽດນາມ ໃນໄຕມາດ II ປີ 2016.

ຈ. ສອງຝ່າຍ ປະສານສົມທົບກັນຈັດຕັ້ງການຕິດຕາມ, ກວດກາບັນດາໂຄງການລົງທຶນ ຂອງຫວຽດນາມ ຢູ່ລາວ ເພື່ອມີບັນດາມາດຕະການຕົວຈິງ ແນໃສ່ຊ່ວຍໝູນ ແລະ ແກ້ໄຂບັນດາ ຂໍ້ຫຍຸ້ງຍາກ, ຄົງຄ້າງຕ່າງໆ, ຊຸກຍູ້ບັນດາການເຄື່ອນໄຫວດຳເນີນທຸລະກິດຂອງວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ຢູ່ລາວ ໃຫ້ມີຄວາມສະດວກ ແລະ ມີປະສິດທິຜົນ; ປະສານສົມທົບກັນໂຄສະນາເຜີຍແຜ່ບັນດາຂໍ້ກຳນົດ, ລະບຽບການ, ກົດໝາຍທີ່ກ່ຽວຂ້ອງເຖິງການລົງທຶນຂອງລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ ຢ່າງກວ້າງຂວາງ.

ສ. ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນສອງປະເທດ ດຳເນີນການກວດກາ, ສົມທຽບ, ເປັນເອກະພາບຕົວເລກການລົງທຶນຂອງວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ຢູ່ລາວ; ແລກປ່ຽນກັນຢ່າງກົມກຽວ ເພື່ອຫັນການອະນຸຍາດລົງທຶນ ແກ້ວິສາຫະກິດຂອງສອງປະເທດ ມີຄວາມສະດວກ ແລະ ກະທັດຮັດ.

ເປັນເຈົ້າການປະສານສົມທົບກັບບັນດາອົງການ ທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ:

- ແກ້ໄຂບັນດາບັນຫາທີ່ກ່ຽວຂ້ອງເຖິງການຜັນຂະຫຍາຍ, ດຳເນີນທຸລະກິດຂອງນັກລົງທຶນ, ວິສາຫະກິດ ຢ່າງເປີດເຜີຍ, ໂປ່ງໃສ ແລະ ມີລະບົບກົດໝາຍ, ນະໂຍບາຍ ທີ່ແນ່ນອນ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບລະບຽບການສາກົນ ເພື່ອຮັບປະກັນສິດຜົນປະໂຫຍດອັນຊອບທຳຂອງນັກລົງທຶນ, ວິສາຫະກິດ ແລະ ສະພາບແວດລ້ອມການລົງທຶນ...

- ນຳສະເໜີບັນດາມາດຕະການຊ່ວຍໝູນວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ທີ່ມາລົງທຶນ ຢູ່ລາວ ແລະ ວິສາຫະກິດລາວ ທີ່ໄປລົງທຶນຢູ່ຫວຽດນາມ.

## 2. ຕົ້ນການຄ້າ:

ກ. ສັງຄົມເພື່ອຍົກມູນຄ່າການຄ້າຂາອອກ-ຂາເຂົ້າ ລະຫວ່າງ ສອງປະເທດ ເພີ່ມຂຶ້ນ 20% ໃນປີ 2016 ທຽບໃສ່ປີ 2015.

ຂ. ກະຊວງອຸດສາຫະກຳ ແລະ ການຄ້າສອງປະເທດ:

- ສ້າງແຜນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ; ປະສານສົມທົບກັນໂຄສະນາເຜີຍແຜ່ ຢ່າງກວ້າງຂວາງ ແລະ ຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍເນື້ອໃນສັນຍາການຄ້າ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສປປ ລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສສ ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນຄັ້ງວັນທີ 03 ມີນາ 2015 ແລະ ສັນຍາການຄ້າ ຊາຍແດນ ລະຫວ່າງ

ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສປປ ລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສສ ຫວຽດນາມ ທີ່ ໄດ້ເຊັນກັນ ຄັ້ງວັນທີ 27 ມິຖຸນາ 2015 ຢ່າງມີປະສິດທິຜົນ.

- ດຳເນີນການກວດກາ, ປັບປຸງເພີ່ມຂຶ້ນສະຖິຕິ ກ່ຽວກັບມູນຄ່າການຄ້າ ໂດຍສະເພາະ ເອົາໃຈໃສ່ຕໍ່ກັບຕົວເລກການຄ້າຊາຍແດນ, ການສົ່ງອອກພະລັງງານໄຟຟ້າ ແລະ ການບໍລິການ...; ນຳສະເໜີບັນດາມາດຕະການຢູ່ແຮງການຮ່ວມມືດ້ານການຄ້າ ໂດຍສະເພາະ ແມ່ນກົນໄກສະເພາະ ລະຫວ່າງ ສອງປະເທດ ໃນເມື່ອລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ ເຊື່ອມຕິວເຂົ້າປະຊາຄົມເສດຖະກິດ ອາຊຽນ.

ຄ. ຝ່າຍຫວຽດນາມ ຈັດສັນແຫລ່ງທຶນ (ນອກຈາກບ້ວງເງິນຊ່ວຍເຫລືອຂອງຫວຽດນາມ ໃຫ້ ແກ່ລາວ) ເພື່ອຄົ້ນຄ້ວາສ້າງ "ແຜນແມ່ບົດພັດທະນາການຄ້າຊາຍແດນ ລະຫວ່າງ ລາວ-ຫວຽດນາມ ຮອດ ປີ 2025 ແລະ ວິໄສທັດ ຮອດປີ 2035" ແລະ ຜັນຂະຫຍາຍແຜນແມ່ບົດພັດທະນາຕາໜ່າງຕະຫຼາດ ຊາຍແດນ ລະຫວ່າງ ລາວ-ຫວຽດນາມ ຮອດປີ 2020.

### 3. ການຮ່ວມມືດ້ານຄົມມະນາຄົມ-ຂົນສົ່ງ:

ກ. ປະສານສົມທົບກັນ ຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍບົດບັນທຶກຄວາມເຂົ້າໃຈ ຂອງສອງລັດຖະບານ ກ່ຽວກັບ ຍຸດທະສາດການຮ່ວມມືດ້ານຄົມມະນາຄົມ-ຂົນສົ່ງ ແຕ່ປີ 2016-2025 ແລະ ວິໄສທັດ ຮອດປີ 2030; ສືບຕໍ່ປະສານສົມທົບກັນ ຊອກຫາແຫຼ່ງທຶນມາຜັນຂະຫຍາຍບັນດາໂຄງການຄົມມະນາຄົມທີ່ສຳຄັນ, ມີລັກສະນະຍຸດທະສາດ ແກ່ການພັດທະນາຂອງສອງປະເທດ ໂດຍສະເພາະແມ່ນເສັ້ນທາງດ່ວນ ວຽງຈັນ-ຮຳໂນ້ຍ.

ຂ. ສອງຝ່າຍ ເປັນເອກະພາບນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ ເພື່ອປະຕິບັດໂຄງການຂົວສະເອີດ II (ລວມທັງຢູ່ເຂດເບື້ອງລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ). ລັດຖະບານລາວ ມອບສິດໃຫ້ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ອະນຸມັດຮັບຮອງໂຄງການ ແລະ ສອງຝ່າຍ ປະສານສົມທົບກັນ ຢ່າງແໜ້ນແຟ້ນ ເພື່ອຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການດັ່ງກ່າວ.

### 4. ໃນຂົງເຂດອຸດສາຫະກຳ:

ກ. ສືບຕໍ່ເອົາໃຈໃສ່ຊີ້ນຳໜ່ວຍງານທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ແກ້ໄຂຂໍ້ຫຍຸ້ງຍາກ, ຂ້ອງຄາ ເພື່ອຊຸກຍູ້ຄວາມຄືບໜ້າບັນດາໂຄງການເຂື່ອນໄຟຟ້ານ້ຳຕົກ.

ຂ. ສອງຝ່າຍ ສືບຕໍ່ເອົາໃຈໃສ່ສ້າງ ແລະ ປັບປຸງບັນດາກົນໄກ, ນະໂຍບາຍ, ພື້ນຖານກົດໝາຍ ແລະ ຖານຂໍ້ມູນ ໃຫ້ສຳເລັດສົມບູນ ເພື່ອຊ່ວຍໜູນ, ສົ່ງເສີມບັນດາວິສາຫະກິດຮ່ວມມືກັນລົງທຶນໃນຂົງເຂດແຮ່ທາດ, ໂດຍສະເພາະ ໃນໄລຍະຊອກຄົ້ນ ແລະ ສຳຫລວດເບື້ອງຕົ້ນ.

ຄ. ລັດຖະບານລາວ ພິຈາລະນາເອົາບັນດາໂຄງການລົງທຶນດ້ານແຮ່ທາດເຂົ້າໃນປະເພດໂຄງການສົ່ງເສີມການລົງທຶນ ຕາມລະບຽບການຂອງລາວ.

**5. ການຮ່ວມມືດ້ານກະສິກຳ-ປ່າໄມ້:**

ກ. ໃຫ້ບຸລິມະສິດຈັດຕັ້ງປະຕິບັດບັນດາໂຄງການຮ່ວມມືດ້ານການແບ່ງເຂດກະສິກຳ, ພັດທະນາ ຊົນນະບົດໃໝ່, ຊົນລະປະທານ ຢູ່ສອງແຂວງຫົວພັນ ແລະ ຊຽງຂວາງ.

ຂ. ສ້າງ ແລະ ຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍແຜນການຮ່ວມມື ແລະ ແລກປ່ຽນບົດຮຽນ ໃນການຄຸ້ມຄອງ ປົກປັກຮັກສາປ່າໄມ້, ສະກັດກັ້ນການຕັດໄມ້ທຳລາຍປ່າ ແລະ ປົກປັກຮັກສາຊັບພະຍາກອນທຳມະຊາດ. ການກັກກັນສຸຂາອະນາໄມພືດ-ສັດ, ການປະມົງ, ຊົນລະປະທານ ແລະ ການບໍລິການຊົນລະກະເສດ.

ຄ. ສອງຝ່າຍ ເພີ່ມທະວີການຮ່ວມມືຄົ້ນຄວ້າວິທະຍາສາດໃນຂົງເຂດກະສິກຳ ແລະ ພັດທະນາ ຊົນນະບົດ.

**6. ການຮ່ວມມືດ້ານຊັບພະຍາກອນທຳມະຊາດ ແລະ ສິ່ງແວດລ້ອມ:**

ກ. ສືບຕໍ່ປະສານສົມທົບນຳກັນ ຢ່າງແໜ້ນແຟ້ນ ແລະ ຮ່ວມກັນປະສານສົມທົບກັບບັນດາປະ ເທດ ອະນຸພາກພື້ນແມ່ນ້ຳຂອງ ໃນການຄຸ້ມຄອງ ແລະ ນຳໃຊ້ແຫລ່ງແມ່ນ້ຳຂອງ ຢ່າງມີປະສິດທິຜົນ ແລະ ຍືນຍົງ.

ຂ. ສ້າງ ແລະ ຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍແຜນການຮ່ວມມືໃນຂົງເຂດວັດແທກ-ແຜນທີ່, ແຜນທີ່ທໍ ລະນິສາດ ແລະ ແຮ່ທາດ, ການຄຸ້ມຄອງຊັບພະຍາກອນນ້ຳ, ສິ່ງແວດລ້ອມ...; ສຶກສາຄົ້ນຄວ້າຜັນຂະ ຫຍາຍການສຳຫລວດແຮ່ທາດ ແລະ ສ້າງແຜນທີ່ທໍລະນິສາດ ມາດຕາສ່ວນ 1/200.000 ເຂດລ່ອງແຈ້ງ, ແຂວງໄຊສົມບູນ.

**ມາດຕາ 4**

**ການຮ່ວມມືດ້ານການສຶກສາ, ກໍ່ສ້າງ ແລະ ພັດທະນາຊັບພະຍາກອນມະນຸດ**

1. ປະສານສົມທົບກັນສ້າງແຜນການລະອຽດ ເພື່ອຊຸກຍູ້ການນຳເອົາເນື້ອໃນບັນດາຜະລິດຕະພັນ ຂອງໂຄງການປະຫວັດສາດສາຍພົວພັນພິເສດ ລາວ-ຫວຽດນາມ ເຂົ້າໃນຫຼັກສູດການສຶດສອນ ຢູ່ໂຮງ ຮຽນຕ່າງໆ ຂອງສອງປະເທດ.

2. ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ທຶນການສຶກສາແກ່ພະນັກງານ, ນັກສຶກສາລາວ ໄປຮຽນ ຢູ່ ຫວຽດນາມ ຈຳນວນ 1.000 ທຶນ, ຮຽນລະບົບມະຫາວິທະຍາໄລ, ເໝືອມະຫາວິທະຍາໄລ ແລະ ບຳລຸງ ໄລຍະສັ້ນ (ນັບທັງທຶນປ້ອງກັນຊາດ-ປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ; 35 ທຶນ ໃຫ້ແກ່ລູກ ຫລານຊາວ ຫວຽດນາມຕ່າງດ້າວ ຢູ່ລາວ, ໃນນັ້ນ 10 ທຶນ ມອບໃຫ້ສະຖານທຸດຫວຽດນາມ ປະຈຳລາວ ເປັນເຈົ້າ ການປະສານສົມທົບກັບກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກິລາລາວ ຄັດເລືອກ).

ປີ 2016, ສອງຝ່າຍ ເຫັນດີເປັນເອກະພາບ ເພີ່ມທຶນບໍາລຸງໄລຍະສັ້ນ ໃຫ້ແກ່ພະນັກງານ, ລັດຖະກອນ ຂອງລາວ ຈຳນວນ 205 ທຶນ.

ແຜນການບໍາລຸງສ້າງພະນັກງານ, ນັກສຶກສາລາວ ຢູ່ຫວຽດນາມ ປະຈຳປີ 2016 ໄດ້ລະບຸໄວ້ ໃນ ສາລະບານເລກ 1 ຄັດຕິດສັນຍາສະບັບນີ້.

3. ລັດຖະບານລາວ ໃຫ້ທຶນການສຶກສາແກ່ພະນັກງານ, ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ຈຳນວນ 60 ທຶນ, ຮຽນລະບົບມະຫາວິທະຍາໄລ, ເໜືອມະຫາວິທະຍາໄລ ແລະ ບໍາລຸງໄລຍະສັ້ນ ຢູ່ລາວ.

4. ຊຸກຍູ້ການສຶດສອນພາສາຫວຽດ ຢູ່ລາວ; ສົ່ງເສີມພະນັກງານລາວ ຮຽນພາສາຫວຽດ ແລະ ພະນັກງານຫວຽດນາມ ຮຽນພາສາລາວ. ສຳເລັດການປະຕິບັດທົດລອງ ແລະ ຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍການ ສອນເປັນສອງພາສາ ລາວ-ຫວຽດ ຢູ່ໂຮງຮຽນຫງວຽນຢູ, ທີ່ນະຄອນຫລວງວຽງຈັນ.

#### ມາດຕາ 5

#### ການຮ່ວມມືໃນຂົງເຂດອື່ນໆ

1. ດ້ານວັດທະນະທຳ, ກິລາ ແລະ ທ່ອງທ່ຽວ:

ກ. ປະສານສົມທົບກັນຈັດຕັ້ງເປັນຢ່າງດີ "ສັບປະດາວັດທະນະທຳລາວ ຢູ່ຫວຽດນາມ"; ສົ່ງເສີມ ການເຄື່ອນໄຫວຮ່ວມມື, ພົບປະສັງສັນ, ແລກປ່ຽນວັດທະນະທຳ, ກິລາ ແລະ ທ່ອງທ່ຽວ ຢູ່ຂັ້ນຕ່າງໆ ໂດຍສະເພາະແມ່ນປະຊາຊົນ ຢູ່ບໍລິເວນຊາຍແດນສອງປະເທດ.

ຂ. ຍູ້ແຮງການຮ່ວມມືດ້ານການທ່ອງທ່ຽວ ບົນພື້ນຖານທຳແຮງຂອງສອງປະເທດ, ປະກອບ ສ່ວນໃຫ້ແກ່ການຮ່ວມມືດ້ານການທ່ອງທ່ຽວໃນພາກພື້ນ ແລະ ອະນຸພາກພື້ນແມ່ນ້ຳຂອງ.

ຄ. ຊຸກຍູ້ຜັນຂະຫຍາຍ ແລະ ປະຕິບັດສຳເລັດໂຄງການສ້າງສູນວັດທະນະທຳຫວຽດນາມ ຢູ່ລາວ ແລະ ຮີບຮ້ອນຜັນຂະຫຍາຍໂຄງການກໍ່ສ້າງສວນອຸທິຍານ ປະທານ ໂຮ່ຈິມິນ ຢູ່ນະຄອນຫລວງວຽງຈັນ.

2. ດ້ານຖະແຫລງຂ່າວ - ການສື່ສານ:

ກ. ສ້າງ ແລະ ຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍ "ໂຄງການເພີ່ມທະວີ" ວຽກງານຂ່າວສານຕ່າງປະເທດກັບລາວ ໃນສະພາບການໃໝ່ ແລະ ສົ່ງເສີມການລົງທຶນໃນຂົງເຂດບໍລິການວິທະຍຸ ແລະ ໂທລະພາບຢູ່ລາວ.

ຂ. ຄົ້ນຄ້ວາຜັນຂະຫຍາຍສະຖານີຖ່າຍທອດໂທລະພາບ ຢູ່ແຂວງບໍ່ແກ້ວ.

ຄ. ເພີ່ມທະວີການແລກປ່ຽນຂໍ້ມູນ ແລະ ຍົກລະດັບເຕັກນິກດ້ານວິຊາການ, ວິຊາສະເພາະ ໃຫ້ ແກ່ພະນັກງານ ໂທລະຄົມມະນາຄົມ ຂອງລາວ, ພິເສດ ແມ່ນການຄຸ້ມຄອງລະຫັດອິນເຕີແນດສູງສຸດ ຂອງລາວ ລວມທັງຊື່ເວບໄຊ (LA), ຄວາມປອດໄພຂໍ້ມູນຂ່າວສານ ແລະ ຄຸ້ມຄອງຄື້ນຄວາມຖີ່, ຂໍ້ມູນ ຂ່າວສານດາວທຽມ.

**3. ດ້ານວິທະຍາສາດ ແລະ ເຕັກໂນໂລຊີ:**

ກ. ສອງຝ່າຍ ເພີ່ມທະວີການຮ່ວມມື ໂດຍຕິດພັນກັບວິທະຍາສາດ, ເຕັກໂນໂລຊີ ເພື່ອຮັບໃຊ້ ການຜະລິດ, ຖືເປັນສໍາຄັນຕໍ່ກັບເຕັກໂນໂລຊີທີ່ທັນສະໄໝ; ບໍາລຸງສ້າງ ແລະ ຍົກລະດັບຄວາມສາມາດ ໃຫ້ແກ່ພະນັກງານຄຸ້ມຄອງວິທະຍາສາດ-ເຕັກໂນໂລຊີ ຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

ຂ. ຊຸກຍູ້ການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ ກໍ່ສ້າງສູນຝຶກອົບຮົມພະນັກງານຄຸ້ມຄອງວິທະຍາສາດ ແລະ ເຕັກໂນໂລຊີຂອງລາວ ແລະ ໂຄງການເພີ່ມທະວີຄວາມສາມາດ ໃນການຄົ້ນຄວ້າວິທະຍາສາດ ແລະ ພັດທະນາເຕັກໂນໂລຊີ ໃຫ້ແກ່ສະພາວິທະຍາສາດແຫ່ງຊາດລາວ ໄລຍະ 2014-2016.

**4. ດ້ານການກວດກາ, ກວດສອບ:**

ສອງຝ່າຍ ສືບຕໍ່ຍົກສູງປະສິດທິຜົນ ໃນຂົງເຂດວຽກງານການກວດກາ, ກວດສອບໂດຍການຈັດ ສິ່ງຊ່ຽວຊານຫວຽດນາມ ມາຊ່ວຍລາວ, ບໍາລຸງຍົກລະດັບຄວາມສາມາດ, ການກວດ ສອບຮ່ວມກັນ....

**5. ດ້ານແຮງງານ ແລະ ສະຫວັດດີການສັງຄົມ:**

ກ. ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສັນຍາແຮງງານ ປະຈໍາປີ 2013 ຢ່າງມີປະສິດທິຜົນ. ຊຸກຍູ້ການຜັນຂະ ຫຍາຍກົດຈະການຮ່ວມມືດ້ານປະກັນສັງຄົມ.

ຂ. ແລກປ່ຽນຂໍ້ມູນຂ່າວສານ ທີ່ກ່ຽວຂ້ອງເຖິງການນໍາເອົາແຮງງານ ຂອງລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ ເຂົ້າໄປເຮັດວຽກຢູ່ໃນປະເທດຂອງຕົນຢ່າງເປັນປົກກະຕິ ເພື່ອປະສານສົມທົມກັນ ແກ້ໄຂບັນຫາຕ່າງໆ ທີ່ ເກີດຂຶ້ນໄດ້ຢ່າງທັນການ ທັງເປັນພື້ນຖານໃນການນໍາສະເໜີມາດຕະການແກ້ໄຂທີ່ເໝາະສົມ.

**6. ກົດໝາຍ ແລະ ຍຸຕິທໍາ:**

ກ. ຊຸກຍູ້ການຮ່ວມມື ໃນຂົງເຂດກົດໝາຍ ແລະ ຍຸຕິທໍາ, ໂດຍສະເພາະການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງ ບັນດາແຂວງ, ນະຄອນຂອງລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ, ໃນນັ້ນ ແມ່ນບັນດາແຂວງທີ່ມີຊາຍແດນຮ່ວມກັນ; ຍົກສູງປະສິດທິຜົນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສັນຍາວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືທາງດ້ານຍຸຕິທໍາ ກ່ຽວກັບບັນຫາ ແພ່ງ ແລະ ທາງອາຍາ ລະຫວ່າງ ສປປ ລາວ ແລະ ສສ ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນໃນວັນທີ 06 ກໍລະກົດ 1998.

ຂ. ຄົ້ນຄວ້າສ້າງ ແລະ ຜັນຂະຫຍາຍໂຄງການຊ່ວຍເຫລືອ ແກ່ສະຖາບັນຍຸຕິທໍາຂອງ ສປປ ລາວ.

7. ສົ່ງເສີມບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ອົງການຈັດຕັ້ງ, ທ້ອງຖິ່ນ ແລະ ບັນດາວິສາຫະກິດ ຂອງສອງຝ່າຍ ໃຫ້ການຊ່ວຍເຫລືອເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນ ໃນບັນດາຂົງເຂດທີ່ສອງຝ່າຍມີທໍາແຮງ; ຝ່າຍ ຫວຽດນາມ ຈະໃຫ້ການຊ່ວຍເຫລືອສຸດຄວາມສາມາດຂອງຕົນໃຫ້ແກ່ບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ອົງ ການຈັດຕັ້ງ ແລະ ທ້ອງຖິ່ນຕ່າງໆ ຂອງລາວ.



**ມາດຕາ 6**  
**ທຶນຊ່ວຍເຫລືອລ້າ**

1. ສອງຝ່າຍ ເຫັນດີເປັນເອກະພາບ ຕົວເລກທຶນຊ່ວຍເຫລືອລ້າຂອງຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ ລາວ ປີ 2016 ຈຳນວນ 720 ຕື້ດຶງ ເພື່ອປະຕິບັດບັນດານິເອມໃນ ທີ່ລະບຸໄວ້ໃນສາລະບານເລກ 2 ຄັດຕິດຂໍ້ຕົກລົງ ສະບັບນີ້, ໃນນັ້ນ:

ກ. ທຶນປີ 2016 ແມ່ນ 458 ຕື້ດຶງ.

ຂ. ທຶນ ປີ 2015 ຈຳນວນ 262 ຕື້ດຶງ ໂອນມາປະຕິບັດໃນປີ 2016.

2. ສືບຕໍ່ປະສານສົມທົບກັນກວດກາ, ຕີລາຄາສະພາບປະຈຸບັນຂອງບັນດາໂຄງການ ທີ່ໄດ້ສໍາເລັດ, ມອບ-ຮັບ ແລະ ເອົາເຂົ້າສູ່ການນໍາໃຊ້ແລ້ວ, ກຳນົດບັນດາໜ້າວຽກອັນຈຳເປັນ ທີ່ຕ້ອງໄດ້ບຸລະນະ ສ້ອມແປງ. ມອບໃຫ້ສອງຮອງປະທານຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ນຳສະເໜີຕໍ່ສອງປະທານຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືສອງປະເທດ ກ່ຽວກັບແຜນບຳລຸງຮັກສາບັນດາໂຄງການ ທີ່ໄດ້ເອົາເຂົ້າສູ່ການນໍາໃຊ້ ເຊິ່ງປະຈຸບັນມີການຊຸດໂຊມ, ເປ່ເພ.

**ມາດຕາ 7**  
**ຜົນສັກສິດ, ການປັບປຸງ, ຕັດແກ້ເພີ່ມເຕີມ**

1. ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ມີຜົນສັກສິດ ນັບແຕ່ມີໄດ້ຮັບແຈ້ງ ເປັນຄັ້ງສຸດທ້າຍ ທີ່ສອງຝ່າຍ ໄດ້ສໍາເລັດ ເອກະສານດ້ານນິຕິກຳພາຍໃນຂອງຕົນ ເພື່ອໃຫ້ຂໍ້ຕົກລົງດັ່ງກ່າວ ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ຖືກຕ້ອງຕາມລະບຽບກົດໝາຍຂອງແຕ່ລະປະເທດ ແລະ ມີຄຸນຄ່າເຖິງການປະກາດຜົນບັງຄັບໃຊ້ຂໍ້ຕົກລົງ ວ່າດ້ວຍແຜນການຮ່ວມມືທະວີພາຄີ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານສອງປະເທດ ປະຈຳປີຄັ້ງຕໍ່ໄປ.

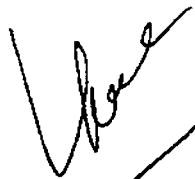
2. ໃນເວລາປະຕິບັດ, ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ອາດມີການດັດແປງ, ປັບປຸງເພີ່ມເຕີມຕາມການຕົກລົງ ເປັນລາຍລັກອັກສອນຂອງລັດຖະບານສອງຝ່າຍ. ທຸກການດັດແກ້, ປັບປຸງເພີ່ມເຕີມ ແມ່ນ ສ່ວນໜຶ່ງ ທີ່ບໍ່ສາມາດຕັດແຍກອອກຈາກຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ແລະ ມີຜົນສັກສິດຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດ ໄວ້ໃນຂໍ້ 1 ມາດຕານີ້.





ເຮັດທີ່ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ, ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ, ວັນ  
ທີ 27 ທັນວາ 2015 ເປັນສອງສະບັບດ້ວຍພາສາຫວຽດ ແລະ ພາສາລາວ, ທັງສອງສະບັບລ້ວນ  
ແຕ່ມີຄຸນຄ່າເທົ່າທຽບກັນ, ແຕ່ລະຝ່າຍຮັກສາໄວ້ 01 ສະບັບ./.

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ      ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ



ຫງວຽນ ຊວນ ຟຸກ  
ຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ



ສິມສະຫວາດ ເລັ່ງສະຫວັດ  
ຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ

**ສາລະບານເລກ 1**  
**ແຜນບ່າລຸງສ້າງພະນັກງານ, ນັກສຶກສາຢູ່ ສສ ຫວຽດນາມ ສຳລັບປີ 2016**

ວ/ດ	ຂະແໜງການຕ່າງໆ	ຈຳນວນ	ໄລຍະຍາວ			ໄລຍະສັ້ນ		ໝາຍເຫດ
			ຕີ	ໄທ	ເອກ	ຈຳນວນ ຫຼິ້ນ	ເວລາ	
1	ຂົງເຂດການເມືອງ-ການປົກຄອງ	311	60	30	10	211		
	ວຽກງານການເມືອງ		20	20	8	20	5 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານປົກຄອງ (ພະນັກງານທ້ອງຖິ່ນ)		20	10	2	20	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານຈັດຕັ້ງ		20			15	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານໂຄສະນາອົບຮົມ					15	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ຄຸການເມືອງ - ການປົກຄອງ					15	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານຊາວໜຸ່ມ					15	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານແມ່ຍິງ					20	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານກວດກາພັກ					15	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານພົວພັນຕ່າງປະເທດ					20	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານແນວລາວສ້າງຊາດ					20	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານກຳມະບານ					15	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ວຽກງານຊົນເຜົ່າ					20	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ຝັງການພາສາຫວຽດ ຢູ່ສະຖານີວິທະຍຸກະຈາຍສຽງ ຫວຽດນາມ					01	9 ເດືອນ	ພະນັກງານ
2	ຂົງເຂດບ້ອງກັນຊາດ-ບ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ	194	167	19	8	0		
	ບ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ		83	9	4			
	ບ້ອງກັນຊາດ		84	10	4			
3	ຂະແໜງສຶກສາ ແລະ ກິລາ	131	12	66	13	40		
3.1	ຂະແໜງສຶກສາ	120	8	60	12	40		
	ວິຊາ ຄະນິດສາດ (ອາຈານສອນ)			4	2			
	ວິຊາພິຊິກສາດ (ອາຈານສອນ)			4	2			
	ວິຊາເຄມີສາດ (ອາຈານສອນ)			2	1			
	ວິຊາຊີວະສາດ (ອາຈານສອນ)			3				
	ວິຊາໄອທີ (ອາຈານສອນ)			3				
	ບໍລິຫານການສຶກສາ (ອາຈານສອນ)		2	2	2			
	ພາລະສຶກສາ (ອາຈານສອນ)		2	2				
	ວິຊາພູມສາດ (ອາຈານສອນ)			1				
	ວິຊາປະຫວັດສາດ (ອາຈານສອນ)			1	1			
	ວິຊາກົດໝາຍ (ອາຈານສອນ)			3				
	ວິຊາບຳໄມ້ (ອາຈານສອນ)			2				
	ວິຊາກະສິກຳ (ອາຈານສອນ)			3				
	ວິຊາ ສັດຕະວະແພດ (ອາຈານສອນ)			3				
	ວິຊາກໍ່ສ້າງ (ອາຈານສອນ)			2				
	ວິຊາເຄສາສະຖານ (ອາຈານສອນ)			2				
	ວິຊາສິ່ງແວດລ້ອມ (ອາຈານສອນ)			2	1			

	ວິຊາຊີນລະປະທານ (ອາຈານສອນ)			2	2			
	ວິຊາໂຍທາ-ຂົນສົ່ງ (ອາຈານສອນ)			2	1			
	ວິຊາໄຟຟ້າ (ອາຈານສອນ)			2				
	ວິຊາກົນຈັກ (ອາຈານສອນ)			2				
	ວິຊາເອເລັກໂຕຼນິກ (ອາຈານສອນ)			2				
	ວິຊາພາສາສາດ-ວັດທະນະທຳ (ອາຈານສອນ)			2				
	ຄູດົນຕີ		1	2				
	ຄູສິລະປະ		1	2				
	ກິລາກາຍະກຳ-ປ້ອງກັນຊາດ		1	2				
	ບໍລິຫານຊັບພະຍາກອນມະນຸດ		1	3				
	ອົບຮົມຄູສອນວິຊາທຳມະຊາດ					40	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
<b>3.2</b>	<b>ຂະແໜງ ກິລາ</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>1</b>			
	ການຄຸ້ມຄອງກິລາ			1	1			
	ວິທະຍາສາດການກິລາ			2				
	ພາລະສຶກສາ		1	1				
	ຝຶກແອບກິລາ		1	1				
	ແພດກິລາ		1	1				
<b>4</b>	<b>ສິລະປະ ແລະ ມະນຸດສາດ</b>	<b>15</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>4.1</b>	<b>ສິລະປະ</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	ຄວັດ		1	1				
	ແຕ້ມ			1				
	ບັນທູ້			1				
	ສິລະປະໂລຫະ			1				
	ອອກແບບນິເທດສິນ			1				
	ວັດທະນະທຳ ແລະ ທ່ອງທ່ຽວ			1				
	ສ້າງຄູວິຈິດສິນ			1				
<b>4.2</b>	<b>ມະນຸດສາດ</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	ສາສະໜາວິທະຍາ		2					
	ຊົນເຜົ່າວິທະຍາ		2	1				
	ຄຸ້ມຄອງວັດທະນະທຳ			2				
<b>5</b>	<b>ວິທະຍາສາດສັງຄົມ, ຂໍ້ມູນຂ່າວສານ, ໜັງສືພິມ</b>	<b>93</b>	<b>9</b>	<b>22</b>	<b>2</b>	<b>60</b>		
<b>5.1</b>	<b>ວິທະຍາສາດສັງຄົມ</b>	<b>56</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>40</b>		
	ວັດທະນະທຳຊົນເຜົ່າ		2	2				
	ວາລະສານສາດ			1				
	ຄຸ້ມຄອງບັນດາອົງການຈັດຕັ້ງ			1				
	ສັງຄົມສາດ			1	1			
	ແຜນການພັດທະນາ			2	1			
	ເສດຖະກິດ			1				
	ແຜນການ			2				

	ເສດຖະກິດການລົງທຶນ			2				
	ວຽກງານວິໄຈ ແລະ ຄາດຄະເນການວາງແຜນ ພັດທະນາເສດຖະກິດສັງຄົມ					20	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ບຳລຸງວຽກງານຄຸ້ມຄອງການລົງທຶນ					20	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
<b>5.2</b>	<b>ຂ່າວສານ</b>	<b>37</b>	<b>7</b>	<b>10</b>		<b>20</b>		
	ການພິມ		2	4				
	ເຕັກໂນໂລຢີຂໍ້ມູນຂ່າວສານ			1				
	ເຕັກນິກສື່ສານ			1				
	ຂ່າວສານ			2				
	ລຳເນົາເອກະສານ		3	1				
	ຫໍສະໝຸດ		2	1				
	ວຽກງານວິທະຍຸ					20	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
<b>6</b>	<b>ບໍລິຫານທຸລະກິດ ແລະ ກິດໝາຍ</b>	<b>40</b>	<b>3</b>	<b>15</b>	<b>2</b>	<b>20</b>		
<b>6.1</b>	<b>ບໍລິຫານທຸລະກິດ</b>	<b>33</b>	<b>3</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>20</b>		
	ການຄຸ້ມຄອງ ແລະ ວິໄຈຂໍ້ມູນເສດຖະກິດ			2	1			
	ທະນາຄານ			1				
	ບໍລິຫານທຸລະກິດສາກົນ			1				
	ປະເມີນລາຄາຊັບ ແລະ ທຸລະກິດອະສັງຫາລິມະຊັບ		1					
	ທຸລະກິດຫຼັກຊັບ			1				
	ກວດສອບແຫ່ງລັດ		1	1	1			
	ວຽກງານໄອຍະການ					20	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
<b>6.2</b>	<b>ກິດໝາຍ</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	ອາດຊະຍາກອນວິທະຍາ ແລະ ການກວດສອບອາຊະຍະກຳ			1				
	ກິດໝາຍການປົກຄອງ			1				
	ກິດໝາຍການຄ້າ			1				
	ກິດໝາຍເສດຖະກິດ			1				
	ການພົວພັນຕ່າງປະເທດ			3				
<b>7</b>	<b>ເຕັກໂນໂລຢີຂໍ້ມູນຂ່າວສານ ແລະ ການສື່ສານ</b>	<b>28</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>15</b>		
	ວິທະຍາສາດຄອມພິວເຕີ		1	3				
	ເຕັກນິກໂທລະຄົມ		2	2				
	ໄອທີ		2	2	1			
	ວຽກງານຄຸ້ມຄອງວິທະຍາສາດ-ເຕັກໂນໂລຢີ					15	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
<b>8</b>	<b>ເຕັກນິກ ,ການຜະລິດ ,ການຄ້າ ແລະ ກໍ່ສ້າງ</b>	<b>47</b>	<b>9</b>	<b>37</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		
<b>8.1</b>	<b>ວິສະວະກຳ ແລະ ການຄ້າ</b>	<b>31</b>	<b>5</b>	<b>25</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		
	ການຄ້າສາກົນ			1				
	ການຄ້າພາຍໃນ			1				
	ເສດຖະກິດອຸດສາຫະກຳ			1				
	ບໍລິຫານເສດຖະກິດສາກົນ			2				
	ເຕັກນິກໄຟຟ້າ			2				
	ກໍ່ສ້າງ			2				

	ກໍ່ສ້າງກິດຈະການໄຟຟ້ານໍ້າຕົກ			1				
	ຄຸ້ມຄອງ ແລະ ພັດທະນາແຫຼ່ງນໍ້າ			2				
	ການເລືອກແຮ່ທາດ		1	2				
	ຄຸ້ມຄອງບໍ່ແຮ່			2	1			
	ຄຸ້ມຄອງພະລັງງານ			2				
	ການຄຸ້ມຄອງເສດຖະກິດບໍ່ແຮ່		1	1				
	ຂຸດຄົ້ນບໍ່ແຮ່		1	2				
	ກໍ່ສ້າງກິດຈະການໃຕ້ດິນ		1	2				
	ທໍລະນີສາດ		1	2				
8.2	ການຜະລິດ ແລະ ການປຸງແຕ່ງ	8	2	6	0	0		
	ເຕັກໂນໂລຢີ ທາງດ້ານອາຫານ		1	3				
	ອາຫານ ແລະ ສິ່ງແວດລ້ອມ		1	3				
8.3	ສະຖາປັດ ແລະ ການກໍ່ສ້າງ	8	2	6	0	0		
	ສະຖາປັດກໍ່ສ້າງກິດຈະການໂຄງການ			2				
	ຄຸ້ມຄອງການກໍ່ສ້າງ		1	2				
	ສະຖາປັດຕະຍາກໍາສາດ		1	2				
9	ກະສິກໍາ, ປ່າໄມ້, ການປະມົງ ແລະ ສັດຕະວະແພດ	22	3	19	0	0		
9.1	ກະສິກໍາ	14	2	12	0	0		
	ເສດຖະກິດກະສິກໍາ			2				
	ຄຸ້ມຄອງທີ່ດິນ			2				
	ບຸກຝັງ			3				
	ລ້ຽງສັດ		1	2				
	ປ້ອງກັນການລະບາດພະຍາດສັດ		1	3				
9.2	ປ່າໄມ້	1	0	1	0	0		
	ຄຸ້ມຄອງສັບພະຍາກອນປ່າໄມ້			1				
9.3	ການປະມົງ	3	1	2	0	0		
	ການປະມົງ		1	2				
9.4	ສັດຕະວະແພດ	4	0	4	0	0		
	ສັດຕະວະແພດ			4				
10	ສາທາລະນະສຸກ ແລະ ສະຫວັດດີການ	43	9	17	2	15		
10.1	ສາທາລະນະສຸກ	20	8	15	2	0		
	ທັນຕະແພດ		4	2				
	ບໍລິຫານສາທາລະນະສຸກສາດ			3	1			
	ເພສັດຊຸກມພື້ນເມືອງ			2				
	ການຜ່າຕັດ			1	1			
	ແພດສາດ		4	2				
10.2	ສະຫວັດດີການ	23	1	7	0	15		
	ວຽກງານສັງຄົມ		1	4				
	ປ້ອງກັນແຮງງານ			3				
	ຄຸຝົກສົມແຮງງານ					15	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ

11	ການບໍລິການ ແລະ ຂົນສົ່ງ	70	11	19	0	40		
11.1	ການບໍລິການ	32	4	8	0	20		
	ບໍລິຫານທຸລະກິດການທ່ອງທ່ຽວ ແລະ ໂຮງແຮມ		1	2				
	ທ່ອງທ່ຽວວິທະຍາ		1	3				
	ເສດຖະກິດການທ່ອງທ່ຽວ		1	2				
	ພິພິທະພັນວິທະຍາ		1	1				
	ວຽກງານກາແດງ					20	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
11.2	ວຽກງານຂົນສົ່ງ	39	8	11	0	20		
	ຊຸດຄົ້ນການຂົນສົ່ງ			1				
	ບົວລະບັດຮັກສາຫົວລົດໄຟ		1	2				
	ຈັດຕັ້ງຄຸ້ມຄອງການຂົນສົ່ງ		1	2				
	ຂົນສົ່ງທາງລົດໄຟ		2					
	ກໍ່ສ້າງທາງລົດໄຟ		1	3				
	ທາງລົດໄຟໃນເມືອງ		2	2				
	ຂົວທາງລົດໄຟ		1	1				
	ບ່າວຽກງານກວດກາຄຸນນະພາບກິດຈະການໂຍທາ					20	2 ເດືອນ	ພະນັກງານ
12	ລູກຫຼານຊາວຫວຽດນາມຕ່າງດ້າວ	35	30	5				
13	ໂຄງການ 100	110	110					
14	ນັກສຶກສາລາວຮຽນແກ້ງຢູ່ສສ ຫວຽດນາມ	12		12				
15	ນັກສຶກສາປີສຸດທ້າຍພະແນກພາສາຫວຽດ ມຊ	17				17	4 ເດືອນ	ນັກສຶກສາ
16	ນັກສຶກສາປີ3 ພະແນກພາສາຫວຽດ ມຊ	18				18	1 ປີຮຽນ	ນັກສຶກສາ
17	ອົບຮົມຍົກລະດັບທັກສະການແປພາສາຫວຽດ	20				20	3 ເດືອນ	ພະນັກງານ
	ລວມ	1.206	433	278	39	456		

I. ຂົງເຂດການບົກຄອງ : 1.012 ທຶນ

ບ່າວຽງໄລຍະສັ້ນ : 456 ທຶນ

ໄລຍະຍາວ: 556 ທຶນ, ໃນນັ້ນ: ປະລິນຍາຕີ : 266 ທຶນ, ປະລິນຍາໂທ: 259 ທຶນ, ປະລິນຍາເອກ: 31 ທຶນ

II. ຂົງເຂດບ້ອງກັນຊາດ-ບ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ:

ໄລຍະຍາວ: 194 ທຶນ, ໃນນັ້ນ: ປະລິນຍາຕີ: 167 ທຶນ, ປະລິນຍາໂທ: 19 ທຶນ, ປະລິນຍາເອກ: 8 ທຶນ



ບັນດາກິດຈະການ, ໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່  
ລັດຖະບານລາວ ປີ 2016

ທົ່ວໜ່ວຍຄິດໄລ່: ລ້ານດັ່ງຫວຽດນາມ

ລ/ດ	ກິດຈະການ, ໂຄງການ	ໄລຍະ ປະຕິບັດ	ມູນຄ່າ ໂຄງການ	ທຶນປີ 2016
	ຈຳນວນທຶນທັງໝົດ			720,000
ກ	ກໍ່ສ້າງພະນັກງານ, ນັກສຶກສາລາວ	2016		240,000
I	ກໍ່ສ້າງພະນັກງານ, ນັກສຶກສາລາວ ຢູ່ຫວຽດນາມ (ນັບທັງທຶນປ້ອງກັນຊາດ-ປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ, ມະຫາວິທະຍາໄລ ເຫຼ້ອມມະຫາວິທະຍາໄລ ແລະ ບຳລຸງ ໄລຍະສັ້ນ)			238,200
II	ສະໜັບສະໜູນກອງປະຊຸມ ຂອງນັກສຶກສາລາວ ທີ່ ຮຽນຢູ່ຫວຽດນາມ ທົ່ວປະເທດ			300
III	ຊ່ວຍເຫຼືອບຳລຸງພາສາຫວຽດ ໃຫ້ແກ່ນັກສຶກສາລາວ ທີ່ໄດ້ຮັບການຄັດເລືອກໄປຮຽນຢູ່ຫວຽດນາມ			1,500
ຂ	ບັນດາກິດຈະການ, ໂຄງການ			480,000
I	ບັນດາໂຄງການຊ່າລະຂາດຕົວ ແລະ ປະຕິບັດສຳເລັດ			55,870
1	ໂຄງການກໍ່ສ້າງໝູ່ບ້ານມິດຕະພາບລາວ-ໜຸ່ມຊາຍ ແດນ ລາວ-ຫວຽດນາມ ທີ່ເມືອງຄຳເກີດ, ແຂວງບໍລິ	2013-2015	75,264	10,105
2	ໂຄງການກໍ່ສ້າງສູນບໍລິການເຕັກນິກກະສິກຳ ແຂວງ	2014-2015	35,163	4,963
3	ໂຄງການກໍ່ສ້າງດ່ານກວດກາຊາຍແດນດາກຕາອອກ ເມືອງດາກ ຈິງ, ແຂວງຊຸກອງ	2014-2015	49,649	14,449
4	ໂຄງການປະກອບເພີ່ມເຕີມໂຕະຕັ້ງ ໃຫ້ສະຖາບັນ ການເມືອງ ແລະ ການປົກຄອງແຫ່ງຊາດລາວ	2015-2016	6,653	6,653
5	ໂຄງການສຳຫຼວດແຮ່ທາດ ແລະ ສ້າງແຜນທີ່ທ່ວະນີ ສາດ ມາດ ຕາສ່ວນ 1/200.000 ຕອນເຫນືອວຽງຈັນ ໃຕ້ຫວງພະບາງ	2013-2017	69,900	19,700
II	ບັນດາໂຄງການສືບຕໍ່			317,130
1	ໂຄງການສ້າງຖານຂໍ້ມູນຂ່າວສານພູມສັນຖານຮັບ ໃຊ້ການວາງ ແຜນ, ພັດທະນາເສດຖະກິດ-ສັງຄົມ ແລະ ຕິດຕາມຊັບພະຍາກອນທຳມະຊາດ ແລະ ສິ່ງແວດລ້ອມ ຢູ່ ສປປ ລາວ	2013-2017	174,000	40,000
2	ໂຄງການກໍ່ສ້າງສູນຝຶກອົບຮົມພະນັກງານຄຸ້ມຄອງ ວິທະຍາສາດ ແລະ ເຕັກໂນໂລຊີຂອງລາວ	2014-2017	89,887	20,000
3	ໂຄງການກໍ່ສ້າງໂຮງຮຽນມັດທະຍົມສົມບູນ ມິດຕະພາບອານຸວົງ ແຂວງໄຊສົມບູນ	2015-		40,000
4	ໂຄງການກໍ່ສ້າງສູນບໍລິການເຕັກນິກກະສິກຳ ແຂວງ ຫົວພັນ	2015-2017		15,000

ລ/ດ	ກິດຈະການ ໂຄງການ	ໄລຍະ ປະຕິບັດ	ມູນຄ່າ ໂຄງການ	ທຶນປີ 2016
5	ໂຄງການສ້າງສະຖານີຖ່າຍທອດວິທະຍຸ ໂທລະພາບ ຢູ່ແຂວງ ສະຫວັນນະເຂດ	2014-2016		50,000
6	ໂຄງການເພີ່ມທະວີຄວາມສາມາດໃນການຄົ້ນຄ້ວາ ວິທະຍາ ສາດ ແລະ ຜັນຂະຫຍາຍເຕັກໂນໂລຊີໃຫ້ແກ່ ສະພາວິທະຍາສາດ ແຫ່ງຊາດ ລາວ ໄລຍະ 2015-2017	2015-2017		30,000
7	ໂຄງການກໍ່ສ້າງໂຮງໝໍ້ມິດຕະພາບ ແຂວງຊຽງຂວາງ	2015-		40,000
8	ໂຄງການກໍ່ສ້າງໂຮງໝໍ້ມິດຕະພາບ ແຂວງຫົວພັນ	2015-		40,000
9	ໂຄງການກໍ່ສ້າງລະບົບຊົນລະປະທານເມືອງໜອງບົກ ແຂວງຄຳ ມ່ວນ (ລວມທັງຄັ້ງຄັ້ງເລືອນ)	2015-		20,000
10	ບູລະນະສ້ອມແປງຫໍພັກນັກສຶກສາຕ່າງປະເທດຢູ່ ມະຫາວິທະຍາ ໄລແຫ່ງຊາດ	2015-		5,000
11	ໂຄງການກໍ່ສ້າງໂຮງຮຽນມັດທະຍົມສົມບູນ ມິດຕະພາບລາວ-ຫວຽດນາມ ຢູ່ແຂວງສະຫວັນນະ	2016-		1,000
12	ໂຄງການກໍ່ສ້າງຂົວສະເອີດ ດ່ານຊາຍແດນ ແດນ ສະຫວັນ ລາວບາວ	2016-		5,130
13	ໂຄງການແບບປຶ້ມນິພົນ "ປະທານໂຮ່ຈິມິນ ຄົບຊຸດ" ຈາກພາສາ ຫວຽດ ເປັນພາສາລາວ	2015-		1,000
14	ໂຄງການສ້າງສະຖານີຖ່າຍທອດວິທະຍຸ-ໂທລະພາບຢູ່ ແຂວງໄຊ ສົມບູນ(*)	2015-		10,000
15	ໂຄງການກໍ່ສ້າງລະບົບຊົນລະປະທານນ້ຳຮາງ ເມືອງຫ້ຽມ (ວຽງ ທອງ) ແຂວງຫົວພັນ (*)	2014-		
III	ບັນດາໂຄງການໃໝ່			6,500
1	ໂຮງຮຽນມັດທະຍົມສົມບູນ ເມືອງບຸນເໜືອ ແຂວງ	2016-		500
2	ໂຄງການຍົກລະດັບ ແລະ ບູລະນະສ້ອມແປງ ຊົນລະປະທານນ້ຳ ລອງ ເມືອງສົບເປົ້າ ແຂວງຫົວພັນ	2016-		500
3	ສະຖານີວິທະຍຸ-ໂທລະພາບແຂວງບໍ່ແກ້ວ	2016-		500
4	ໂຮງຮຽນວິຊາຊີບແຂວງບໍ່ແກ້ວ ໄລຍະ 2	2016-		500
5	ໂຮງຮຽນ ມັດທະຍົມສົມບູນມິດຕະພາບລາວ- ຫວຽດນາມ ໄລຍະ 2	2016-		500
6	ສ້າງແຜນແມ່ບົດຊົນລະປະທານ ຢູ່ແຂວງຫົວພັນ ແລະ ສະຫວັນນະເຂດ	2016-		500
7	ສູນພາຫວຽດ ຢູ່ມະຫາວິທະຍາໄລສຸພານຸວົງ ແລະ ມະຫາວິທະ ຍາໄລຈຳປາສັກ	2016-		500
8	ໂຄງການແບ່ງຂາດຜະລິດກະສິກຳ ຢູ່ແຂວງຫົວພັນ	2016-		500
9	ໂຄງການກໍ່ສ້າງໂຮງຮຽນສະຖາບັນເສດຖະກິດ-ການ ເງິນ ດົງ ຄຳຊ້າງ ໄລຍະ 3	2016-		500
10	ໂຄງການຊ່ວຍໜູນສະຖາບັນຍຸຕິທຳລາວ	2016-		500
11	ໂຄງການສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ເສັ້ນທາງດ່ວນ ວຽງ ຈັນ-ຮຳໂນ້ຍ	2016-		500



ລ/ດ	ກິດຈະການ, ໂຄງການ	ໄລຍະ ປະຕິບັດ	ມູນຄ່າ ໂຄງການ	ທຶນປີ 2016
12	ໂຄງການສ້ອມແປງຈັກສູບນໍ້າ 02 ໜ່ວຍ ຂອງ ໂຄງການຊົນ ລະປະທານດົງໂພສີ ແລະ ທ່າພະໜອງ ເຟົາ.	2016		500
13	ໂຄງການກໍ່ສ້າງສໍານັກງານຂອງຄະນະກຳມະການ ຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ (ໂຄງການມິດຕະພາບ).	2016		500
IV	ຮ່ວງທຶນ ຍັງບໍ່ທັນໄດ້ຈັດສັນ (***)	2016-		100,500

(\*) ຈະພິຈາລະນາ ຈັດສັນທຶນໃຫ້ ກໍ່ຕໍ່ເມື່ອໂຄງການ ໄດ້ຮັບການອະນຸມັດຮັບຮອງ.

(\*\*) ຈະດຳເນີນການກະກຽມໂຄງການໃໝ່ໄດ້ ກໍ່ຕໍ່ເມື່ອໄດ້ສໍາເລັດການປະກອບເອກະສານກວດກາ ຮັບຮອງ  
ແລະ ມອບ-ຮັບໂຄງການເກົ່າ.

(\*\*\*) ຮ່ວງທຶນດັ່ງກ່າວ ຝ່າຍລາວ ມອບສິດໃຫ້ແກ່ຝ່າຍຫວຽດນາມ ດຳເນີນການຈັດສັນທຶນໃຫ້ບັນດາໂຄງການ  
ແລະ ແຈ້ງໃຫ້ ຝ່າຍລາວ ຮັບຊາບ ( ລວມທັງການຊ່ວຍເຫລືອບັນດາໂຄງການ ກໍ່ສ້າງໂຮງຮຽນ ຕາມການ  
ສະເໜີຂອງສອງແຂວງຫົວພັນ, ຊຽງຂວາງ ແລະ ໂຮງຮຽນ ຊາວຫວຽດນາມຕ່າງດ້າວ <sup>1</sup> ຫລັງ).

www.LuatVietnam.vn